

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28 – 02 – 2025

V/v yêu cầu ly hôn, giải
quyết về con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê.
2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Đạt - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quang Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 149/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc *Yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị H M Niê, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Y K Ađrong, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Buôn C, xã CP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H M Niê trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và anh Y K Ađrong kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

ngày 17/7/2020. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ khoảng năm 2022 đến nay đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã. Mặc dù đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, tôi và anh Y K đã sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Đến nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Y K Adrong.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là Y H Niê, sinh ngày 24/7/2019, tôi yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tôi không yêu cầu anh Y K phải cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Y K Adrong, quá trình giải quyết vụ án có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, đã trình bày:

Tôi đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy báo tham gia tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các văn bản, thông báo khác của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, hiện nay vụ án đang được Tòa án giải quyết, nhưng vì điều kiện tôi đi làm nên tôi không thể tham gia tố tụng giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nên tôi làm đơn này đề nghị Tòa án cho tôi được vắng mặt tại các buổi làm việc, cho tôi được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tôi đồng ý ly hôn, giao con chung cho chị H M trực tiếp nuôi dưỡng, không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung, cũng không yêu cầu giải quyết vấn đề gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H M Niê.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị H M Niê được ly hôn với anh Y K Adrong.

Về con chung: Giao con chung là cháu Y H Niê, sinh ngày 24/7/2019 cho chị H M Niê được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H M Niê không yêu cầu anh Y K Adrong phải

cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H M Niê, anh Y K Ađrong đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H M Niê, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị H M và anh Y K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 17/7/2020, quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét lời trình bày của chị H M cho rằng quá trình chung sống có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn là có căn cứ phù hợp với kết quả xác minh, thể hiện quá trình chung sống giữa chị H M và anh Y K đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống. Do đó, có căn cứ xác định, trong cuộc sống hôn nhân giữa chị H M và anh Y K xảy ra mâu thuẫn là có thật và kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, thực tế đã không còn chung sống từ khoảng tháng 7 năm 2022 cho đến nay, anh Y K cũng đồng ý ly hôn với chị H M nên cần chấp nhận cho chị H M được ly hôn với anh Y K là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị H M yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Y H Niê, sinh ngày 24/7/2019 đến khi con đủ 18 tuổi, xét thấy, từ khi không còn chung sống, chị H M là người trực tiếp nuôi con và anh Y K cũng đồng ý nên cần chấp nhận giao con cho chị H M được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H M không yêu cầu anh Y K phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H M và anh Y K đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị H M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H M Niê.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H M Niê được ly hôn với anh Y K Ađrong.
2. Về con chung: Giao con chung là Y H Niê, sinh ngày 24/7/2019 cho chị H M Niê được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H M Niê không yêu cầu anh Y K Ađrong phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H M Niê và anh Y K Ađrong đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị H M Niê phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0006390 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn người có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C, H. Krông Búk;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân